

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: **1060** /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Hà Dương (giai đoạn 2), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ công văn số 70/HĐND-KTNS ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1351/SXD-HĐXD ngày 28 tháng 3 năm 2016 đề nghị phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hà Dương (giai đoạn 2), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hà Dương (giai đoạn 2), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hà Dương (giai đoạn 2), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.
- 3. Chủ đầu tư:** Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp huyện Hà Trung.
- 4. Mục tiêu đầu tư:** Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế trong vùng, đồng thời di chuyển các cơ sở nằm trong khu dân cư vào cụm công nghiệp tập trung, giảm thiểu tác động đến môi trường sống của nhân dân.
- 5. Địa điểm xây dựng:** Cụm công nghiệp xã Hà Dương, huyện Hà Trung.
- 6. Giá trị tổng mức đầu tư (Chủ đầu tư trình):** 59.899.000.000 đồng.
- 7. Nguồn vốn:** Vốn chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác.
- 8. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2016-2020.
- 9. Nhà thầu khảo sát, lập dự án đầu tư:** Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kỹ thuật 36.
- 10. Quy mô và nội dung đầu tư:**
- 10.1. Thiết kế san nền:
- Các lô đất trong phạm vi san nền có cao độ san nền thấp nhất là +2,6m, cao độ san nền cao nhất là +3,0m; hướng dốc san nền từ Tây sang Đông khu đất dự án.
 - Khối lượng đào đắp nền các ô đất được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 20x20m trên mặt bằng tỉ lệ 1/500; vật liệu san nền bằng đất đắp, đầm chặt K85.
- 10.2. Thiết kế giao thông:
- Trên cơ sở các tuyến đã thực hiện trong giai đoạn 1, thiết kế tuyến N2 với tổng chiều dài khoảng 542,55m.
 - Thiết kế mặt cắt ngang: chiều rộng mặt đường $B_m=10,5m$; chiều rộng hè đường $B_l=2x7,0m$.
 - Thiết kế nền đường: Nền đường được đắp và đầm nén theo từng lớp, chiều dày mỗi lớp tùy thuộc vào năng lực thiết bị đầm và loại đất, thông thường chiều dày mỗi lớp sau đầm nén dày (25-30)cm, đạt K95, lớp đất đắp dưới lớp kết cấu mặt đường lu lèn đạt K98. Nền đường đào được đào đến cao độ đáy khuôn đường và 50cm đất nền dưới đáy kết cấu áo đường được đầm lèn đạt K98.

- Thiết kế mặt đường: Lớp BTXM M300 dày 24cm; lớp giấy dầu tạo phẳng; cấp phối đá dăm loại II dày 15cm; lớp đất đắp K98 dày 50cm.

10.3. Hệ thống thoát nước:

- Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước B600 kết hợp cống tròn D1500-2000 về hồ chứa nước mưa tại khu xử lý rồi thoát ra sông Tống Giang bằng hệ thống máy bơm cưỡng bức dự kiến.

- Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp phải được xử lý đạt yêu cầu trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

10.4. Hệ thống cấp điện: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 180kVA-35/0,4kV đặt tại vị trí giao giữa tuyến N2 và đê Thổ Khối; cấp điện cho cụm công nghiệp lấy từ trạm biến áp đến các nhà máy.

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 59.920.094.000 đồng

(Năm mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây lắp:	39.515.855.202 đồng;
+ Chi phí QLDA:	611.058.815 đồng;
+ Chi phí TVĐTXD:	2.433.931.635 đồng;
+ Chi phí khác:	635.959.941 đồng;
+ Chi phí GPMB:	10.084.942.000 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	6.638.346.741 đồng;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn: Vốn chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Các bước thiết kế: (bước thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện: Năm 2016-2020.

Điều 2. Chủ đầu tư (Trung tâm phát triển cụm công nghiệp huyện Hà Trung) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Trung tâm phát triển cụm công nghiệp huyện Hà Trung và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2016)QDPD_DADT CCN Ha Duong

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP HÀ DƯƠNG (GIAI ĐOẠN 2), HUYỆN HÀ TRUNG

(Kèm theo Quyết định số: 1060 /QĐ-UBND ngày 28 /3/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	39,515,855,202
1	San nền	Dự toán chi tiết	21,091,293,141
2	Hệ thống thoát nước thải tập trung	nt	11,151,500,973
3	Đường giao thông	nt	5,953,061,088
4	Cấp điện	Tạm tính	1,320,000,000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	611,058,815
	Chi phí quản lý dự án	(Gxd) trước thuế x 1,701%	611,058,815
III	CHI PHÍ TƯ VẤN	Gtv	2,433,931,635
1	Chi phí khảo sát bước lập dự án đầu tư	Tạm tính	193,471,751
2	Lập dự án đầu tư	(Gxd) x 0,418%	165,176,275
3	Thẩm tra tính hiệu quả dự án	(Gxd) x 0,063%	24,894,989
4	Chi phí khảo sát bước lập TKBVTC	Tạm tính	390,038,000
5	Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	(Gxd) x 1,77%	699,430,637
6	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	(Gxd) x 0,121%	47,814,185
7	Thẩm tra dự toán	(Gxd) x 0,117%	46,233,551
8	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	(Gxd) x 0,191%	75,475,283
9	Giám sát thi công	(Gxd) x 1,69%	667,817,953
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu TV TKBVTC		699,431
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu TV Giám sát		667,818
12	Báo cáo giám sát đầu tư	20% x Gqlđa	122,211,763
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	635,959,941
1	Thẩm định dự án đầu tư	TMĐT x 0,015 %	7,542,907
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	50% x TMĐT x 0,455 %	114,400,750
3	Chi phí kiểm toán	TMĐT x 0,715 %	359,545,214
4	Bảo hiểm công trình	(Gxd) x 0,3%	118,547,566
5	Thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	(Gxd) x 0,1%	35,923,505
V	CHI PHÍ GPMB	Ggpmb	10,084,942,000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	6,638,346,741
	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV+V) x 10%	5,328,174,759
	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá		1,310,171,982
	TỔNG CỘNG		59,920,094,335
	Làm tròn		59,920,094,000